TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST

Ngày: 26/7/2018.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Đừng và bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H' Michan Niê - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 273/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ - sinh năm: 1959 (Vắng mặt)

Ông Lê Hữu T - sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 251 đường V, khối 9, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Đặng T - sinh năm: 1964 (Có mặt).

Trú tại: số 33 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2017).

2.Bị đơn: Ông Trần Minh T – sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Bà Phạm Thị Minh H – sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: số 390 đường V, khối 11, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Đinh Thị Kim Y - sinh năm:1969 (Vắng mặt).

Trú tại: Căn hộ số 5, tầng 16 lock B khu chung cư H, số 33 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2017).

3. Người làm chứng: Cháu Trần Thị Mỹ A - Sinh năm: 2000 (Vắng mặt).

Trú tại: số 390 đường V, khối 11, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Đ, ông Lê Hữu T là ông Đặng T trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên vợ chồng bà Đ, ông T cho vợ chồng bà Phạm Thị Minh H, ông Trần Minh T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 12/8/2015 Dương lịch cho vay 240.000.000 đồng

- Ngày 13/8/2015 Dương lịch cho vay 60.000.000 đồng

Cả hai khoản vay ngày 12/8/2015 và ngày 13/8/2015 là 300.000.000 đồng và có ghi trong giấy vay là ngày 12/9/2015 sẽ trả đủ.

- Ngày 13/10 Âm lịch năm Ất Mùi tức là ngày 24/11/2015 Dương lịch cho vay 200.000.000 đồng, có ghi trong giấy vay là hẹn ngày 13/01 Âm lịch năm Bính Thân tức là ngày 20/02/2016 Dương lịch sẽ trả đủ.

Khi giao tiền thì bà Đ, ông T giao trực tiếp tiền cho vợ chồng ông T, bà H và cháu A là con của ông T, bà H có cùng đếm tiền giùm cho bố mẹ và có kí tên trong giấy vay tiền với tư cách là làm chứng cho việc vay tiền.

Đến hẹn trả tiền mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng gia đình bà H, ông T vẫn không trả tiền cho bà Đ, ông T.

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ, ông Lê Hữu T xác định chỉ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị Minh H, ông Trần Minh T trả nợ chứ không yêu cầu cháu Trần Thị Mỹ A phải cùng trả nợ vì cháu A chỉ kí tên trong giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng.

Nay vợ chồng bà Trần Thị Đ, ông Lê Hữu T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị Minh H, ông Trần Minh T phải trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 120.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 620.000.000 đồng.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Minh T, bà Phạm Thị Minh H là bà Đinh Thị Kim Y trình bày:**

Vợ chồng ông Trần Minh T, bà Phạm Thị Minh H và vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Trần Thị Đ có mối quan hệ quen biết với nhau nên có vay mượn tiền. Bà H, ông T

xác định có vay của ông T, bà Đ số tiền 500.000.000 đồng nhưng chỉ viết giấy vay mượn hai lần là ngày 12/8/2015 viết giấy vay 240.000.000 đồng có bà Phạm Thị Minh H, ông Trần Minh T, cháu Trần Thị Mỹ A cùng kí tên vào giấy vay, ngày 24/11/2015 viết giấy vay 200.000.000 đồng có bà Phạm Thị Minh H, ông Trần Minh T cùng kí tên trong giấy vay, còn khoản vay 60.000.000 đồng ngày 13/8/2015 thì không viết giấy vay mượn. Tuy nhiên ông T, bà H đã trả góp dần hết số tiền nợ trên nhưng do tin tưởng nên chỉ trả tiền chứ không viết giấy trả tiền. Ngày 13/8/2016 Dương lịch các bên cùng tính toán lại công nợ, ông T, bà H được yêu cầu phải ghi xác nhận là có vay 60.000.000 đồng ngày 13/8/2015 vào phía sau giấy vay ngày 12/8/2015 nên ông T, bà H đã ghi nội dung trên và bà H kí tên phía dưới nội dung này. Tuy nhiên ông T, bà H xác định cùng ngày 13/8/2016 ông bà đã trả đủ 60.000.000 đồng cho bà Đ, ông T, các khoản nợ từ trước đến nay ông T, bà H chỉ còn nợ lại ông T, bà Đ 3.000.000 đồng. Đối với cháu Trần Thị Mỹ A thì vợ chồng bà H, ông T xác định cháu A còn nhỏ, không tham gia trong việc vay mượn tiền này, cháu kí tên trong giấy vay vì một lần chở mẹ là bà H qua nhà ông T, bà Đ thì bị bắt kí tên trong giấy vay mượn chứ cháu A không liên quan gì.

Nay ông T, bà Đ khởi kiện thì ông T1, bà H chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn nợ lại là 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- *Về tố tụng*: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên tổng số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Bởi lẽ, từ khi vay số tiền trên bị đơn ông T, bà H chưa trả cho nguyên đơn khỏan tiền nào và phía bị đơn cũng thừa nhận có vay nợ của nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên phía bị đơn cho rằng đã trả xong khoản nợ trên cho nguyên đơn bà Đ, ông T nhưng phía nguyên đơn bà Đ, ông T không thừa nhận việc bị đơn ông T, bà H đã trả khoản nợ trên và phía bị đơn ông T, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh đã trả được khoản nợ trên cho nguyên đơn bà Đ, ông T.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 39, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Bộ luật dân sự năm 2005. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ, ông T buộc bị đơn ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đ, ông T 500.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa vợ chồng bà Trần Thị Đ, ông Lê Hữu T và vợ chồng ông Trần Minh T, bà Phạm Thị Minh H là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án; Bị đơn có địa chỉ tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Minh T, bà Phạm Thị Minh H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đinh Thị Kim Y đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Minh T, bà Phạm Thị Minh H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đinh Thị Kim Y.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số tiền gốc vay: Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng bà Đ, ông T cho vợ chồng bà H, ông T vay tiền nhiều lần gồm:

- Ngày 12/8/2015 Dương lịch cho vay 240.000.000 đồng.

- Ngày 13/8/2015 Dương lịch cho vay 60.000.000 đồng.

- Ngày 13/10 Âm lịch năm Ất Mùi tức là ngày 24/11/2015 Dương lịch cho vay 200.000.000 đồng.

Tổng cộng bà H ông T vay của ông T1 bà Đ số tiền là 500.000.000 đồng. Việc vay tiền đều được lập thành văn bản, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các giấy vay tiền có xác nhận của bà H, ông T. Do bị đơn ông H bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T1 bà Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay là 500.000.000 đồng và số tiền lãi là 120.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H, ông T cũng thừa nhận có vay của vợ chồng ông T bà Đ nhiều lần, tổng cộng số tiền vay là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H, ông T cho rằng đã trả hết số nợ trên và hiện còn nợ bà Đ, ông T số tiền là 3.000.000 đồng, nhưng do quen biết nên không yêu cầu ghi giấy trả tiền. Tòa án đã gia hạn cho phía bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ về việc đã trả nợ cho nguyên đơn nhưng phía bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác cho rằng mình đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nên không có cơ sở xem xét chấp nhận. Do vậy cần buộc bị đơn bà H ông T phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay 500.000.000 đồng cho nguyên đơn bà Đ ông T là phù hợp.

[4] Về lãi suất: Cả hai khoản vay đều thực hiện trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất kể từ thời điểm bà H, ông T

vay theo quy định của pháp luật là phù hợp cần chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Đối với khoản vay 240.000.000 đồng vào ngày 12/8/2015 hẹn đến ngày 12/9/2015 trả nên tính lãi kể từ ngày 13/9/2015 đến ngày xét xử (26/7/2018) là 34 tháng 13 ngày, số tiền lãi là: (240.000.000 đồng x 0,75%/ tháng) x 34 tháng 13 ngày = 61.980.000 đồng.

Đối với khoản vay 60.000.000 đồng vào ngày 13/8/2015 trong giấy vay các bên không hẹn thời gian trả nợ, do vậy đối với khoản vay này thời gian tính lãi được tính từ khi nguyên đơn khởi kiện là ngày 28/6/2017 đến ngày xét xử là 26/7/2018 là 12 tháng 28 ngày, cụ thể tiền lãi là: (60.000.000 đồng x 0,75%/tháng) x 12 tháng 28 ngày = 5.820.000 đồng.

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 24/11/2015 hẹn đến ngày 13/01 (âm lịch) tức trả vào ngày 20/2/2016 (dương lịch) nên tính lãi kể từ ngày 21/2/2016 cho đến ngày xét xử (26/7/2018) là 29 tháng 6 ngày, cụ thể tiền lãi là: (200.000.000 đồng x 0,75%/ tháng) x 29 tháng 6 ngày = 43.800.000 đồng.

Tổng số tiền lãi ông H bà T phải trả cho ông T1 bà Đ theo quy định là: 61.980.000 đồng + 5.820.000 đồng + 43.800.000 đồng = 111.600.000 đồng.

Như vậy, bà H ông T có nghĩa vụ trả cho ông T1 bà Đ tổng số tiền gốc và lãi là:

Tiền gốc 500.000.000 đồng + tiền lãi 111.600.000 đồng = 611.600.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ ông T nên bị đơn ông T bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: 20.000.000đ + 4% (800.000.000 đồng – 611.600.000 đồng) = 20.000.000 đồng = 27.536.000 đồng.

Nguyên đơn ông T1, bà Đ không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 39, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ, ông Lê Hữu T.

Buộc bị đơn ông Trần Minh T và bà Phạm Thị Minh H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đ và ông Lê Hữu T số tiền 611.600.000 đồng. (Trong đó số tiền nợ gốc là: 500.000.000 đồng; số tiền lãi tính đến ngày 26/7/2018 là 111.600.000 đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn chậm thi hành án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Trần Minh T và bà Phạm Thị Minh H phải chịu 27.681.200 đồng. đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Đ, ông Lê Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Đ, ông Lê Hữu T số tiền 9.145.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Đặng T đã nộp thay ông T bà Đ theo biên lai số AA/2016/0000722 ngày 27/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**